

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày 25- 6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

2. Ông Trần Quang Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **29/2021/TLST-HS** ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn P - sinh năm 1972 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu X, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị H - sinh năm 1933; bị cáo có vợ là Trần Thị T - sinh năm 1974 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/02/2021, chuyển tạm giam ngày 06/02/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

+*Bị hại:* Chị Trần Thị T - sinh năm 1976. Trú tại: Khu V, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

+*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị L - sinh năm 1996. Trú tại: Xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái. (Có mặt)

+*Người làm chứng:* Bà Trần Thị H - sinh năm 1933. Trú tại: Khu X, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019, Trần Văn P có vay của Trần Thị T số tiền 5.000.000 đồng và hẹn với chị T là hai tháng sau sẽ trả. Khoảng tháng 3/2020, P thế chấp cho chị T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S để vay số tiền là 1.000.000 đồng và hẹn sẽ chuộc lại. Khoảng hai tháng sau, P có đưa cho chị T 1.500.000 đồng để chuộc lại chiếc điện thoại (vì quá hạn nên chị T đã bán điện thoại của P cho người khác). Chị T hẹn P khi nào chuộc lại chiếc điện thoại sẽ trả cho P. Sau khi chuộc được điện thoại, khoảng 15 giờ ngày 23/8/2020 chị T gọi điện cho P để yêu cầu P trả số tiền 5.000.000 đồng và trả cho P điện thoại, đồng thời chị T cũng nhận được điện thoại của bà Trần Thị H là mẹ đẻ của P ở cùng nhà gọi điện cho T, đến để trả tiền vay cho P. Chị T cùng bạn là Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đến nhà P để yêu cầu P trả tiền và trả lại cho P chiếc điện thoại trên. Khi đến nơi thì có bà Trần Thị H đang ngồi ở bàn uống nước trước cửa nhà bếp, còn P và con trai là Trần Quốc V sinh năm 2004 trú tại khu X, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đang ngủ trong nhà. T đi vào trong nhà để gọi P ra, K đi lại ngồi ở bàn uống nước. Sau khi vào nhà gọi P ra thì T đi ra trước, P đi ra sau. T và P ngồi cùng một ghế, T ngồi phía trong còn P ngồi phía bên ngoài, K ngồi ghế đối diện. Khi đó, T cầm mũ bảo hiểm trên tay, còn K để mũ bảo hiểm trên mặt bàn. Lúc này chị T trả cho P chiếc điện thoại OPPO A5S, P gọi Trần Quốc Vương ra kiểm tra chiếc điện thoại xem có đúng là điện thoại của mình và có bị hư hỏng thì không. V cầm điện thoại vào trong nhà kiểm tra, còn chị T và P nói chuyện về việc trả nợ số tiền 5.000.000 đồng P vay chị T. Sau khi kiểm tra chiếc điện thoại xong, thì V mang trên điện thoại ra nói điện thoại không sử dụng được và không phải sim của P, rồi để điện thoại xuống bàn uống nước và đi vào nhà. Trong quá trình nói chuyện liên quan đến việc T toán số tiền nợ thì chị T và P xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, P đứng dậy dùng tay túm cổ áo chị T và nói “mày cút ra khỏi nhà tao”. Lúc này chị T vùng đứng dậy trong tay có cầm một chiếc mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu vùng lên gạt tay P ra. Chiếc mũ bảo hiểm trúng vào vùng trán của P làm P bị chảy máu, lúc này P tay trái bỏ đầu tay phải cầm chiếc điều cày bằng tre dựng ở cạnh bàn uống nước đánh liên tiếp 03 cái vào vùng mặt và tay của chị T. Thấy vậy, K cầm chiếc mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu mà trước đó K để ở bàn uống nước giơ lên đỡ cho chị T một cái làm chiếc mũ bảo hiểm bị vỡ. Thấy chị T bị thương và chiếc điều cày bị vỡ thì P không đánh chị T nữa, P đi vào nhà lấy khăn lau vết thương còn chị T và K bỏ về. Sự việc xảy ra làm P bị thương rách da ở vùng trán, cẳng tay trái và vùng đầu bên trái bị sưng tím. Còn chị Trần Thị T bị thương, rách da ở cung lông mày trái, gãy 1/3 giữa xương trụ tay trái được đưa đi sơ cứu tại trạm y tế xã V, thị xã P rồi chuyển đến bệnh viện đa khoa thị xã P điều trị từ ngày 24/8/2020 đến ngày 03/9/2020 thì ra viện.

Sau khi sự việc xảy ra chị Trần Thị T đã trình báo sự việc đến Công an xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tiến hành các hoạt động xác minh ban đầu, thu giữ đồ vật tài liệu có liên quan và xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên Công an

xã V đã chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 20/9/2020 và ngày 12/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ giám định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của Trần Thị T và Trần Văn P. Tuy nhiên, P đã từ chối giám định thương tích. Đối với thương tích của Trần Thị T, tại bản kết luận pháp y số 181/TgT/2020 ngày 13/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ kết luận: *“Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Trần Thị T là: 15%(Mười lăm phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Tại thời điểm giám định vùng đầu bên trái không để lại thương tích nên Trung tâm pháp y không xác định được cơ chế chấn thương; Vết sẹo trán bên trái hình chữ (T): Cạnh ngắn do tác động của vật cứng có cạnh tương đối sắc gây nên. Cạnh dài do tác động của vật cứng có cạnh tương đối sắc gây nên; gãy 1/3 dưới xương trị trái do tác động của vật cứng gây nên; vết sẹo 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái do bác sỹ phẫu thuật để điều trị”*.

Phục vụ công tác điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thị xã P đã tạm giữ: 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ nữ, nửa đầu màu hồng, phần chóp mũ có núm liền, trên mũ có in hình con vật, dán tem trắng hai bên, đã bị vỡ không rõ hình; 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại bảo hiểm nữ, nửa đầu dạng mũ lưới chai, phần chóp mũ có núm liền trên mũ có in hình các con vật, sau mũ khoét hình vòm bị vỡ không rõ hình; 01 chiếc điều cày, dài 65 cm, đường kính 3 cm, làm bằng tre, đã bị vỡ mà P đã sử dụng để gây thương tích cho chị T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 132118793 và 01 giấy phép lái xe số AU981763 mang tên Trần Văn P.

Ngày 02/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và ngày 04/01/2021 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn P về tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự, đồng thời ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn P. Tuy nhiên, P đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 30/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra quyết định truy nã bị can đối với Trần Văn P và đến ngày 03/02/2021 đã bắt P theo lệnh truy nã. Ngày 04/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra quyết định đình nã đối với P.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cố ý gây thương tích cho chị Trần Thị T như đã nêu trên. Hành vi của Trần Văn P gây thương tích cho chị Trần Thị T khi chị T cũng có hành vi gây thương tích cho P. Tuy nhiên P chỉ bị thương tích nhẹ và đã từ chối giám định thương tích. Do hành vi trái pháp luật của chị T không phải trường hợp nghiêm trọng, cũng không diễn ra liên tục, thường xuyên gây ức chế tâm lý cho P, mặt khác trước khi chị T gây thương tích cho P, thì P đã có hành vi túm cổ áo chị T và đuổi ra khỏi nhà, việc chị T vung tay lên để kháng cự lại, nên hành vi của P không thuộc trường hợp “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự. Khi P có hành vi dùng điều cày gây thương tích cho chị Trần Thị T, tấn công liên tiếp (03 lần), do đó hành vi của P cũng không thuộc trường hợp “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định Điều 136 Bộ luật hình sự. Hành vi của Trần Văn P dùng điều cày là hung khí nguy

hiểm dễ gây thương tích cho chị Trần Thị T, tổn hại phần trăm sức khỏe là 15% đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

**Bị cáo Trần Văn P khai nhận:* Bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng. Sau khi dùng điều cày gây thương tích cho chị T bị cáo đã bỏ đi làm ở Hà Nội nên bị bắt truy nã. Quá trình xảy ra đánh nhau bị cáo có bị thương tích nhẹ nhưng bị cáo từ chối giám định và không yêu cầu chị T bồi thường gì. Chị T bị thương tích 15% là do bị cáo dùng điều cày đánh. Nay chị T yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 25.136.000đồng bị cáo hoàn toàn nhất trí. Bị cáo đã tác động gia đình để bồi thường 1 phần cho chị T. Sau này đi chấp hành án xong về bị cáo sẽ bồi thường tiếp cho chị T. Bị cáo bị tạm giữ 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn P. Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị L trình bày: Chị là con gái của bị cáo. Sau sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại. Chị đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 13.000.000đồng, còn lại 12.136.000đồng sau này bị cáo về sẽ bồi thường tiếp cho bị hại. Chị cho bị cáo số tiền trên. Ngoài ra chị không có ý kiến gì.

Người làm chứng, bà Trần Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo. Bà thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo là người gây thương tích cho bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-TXPT ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị can Trần Văn P về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không có lời tranh luận và bào chữa nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn P từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 03/02/2021.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 điều 586, điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại chị Trần Thị T tổng số tiền là 25.136.000đ (Hai mươi năm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cụ thể các khoản gồm: Xe cấp cứu đưa đi và về: 200.000đồng; Chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại bệnh viện: 13.036.000đồng; Thu nhập bị mất của người chăm sóc 1.650.000đồng; Thu nhập bị mất của bị hại 2.250.000 đồng Bồi thường sức khỏe 1 lần: 8.000.000đồng. Xác nhận chị Trần Thị L đã thay bị cáo tự nguyện

bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) nên buộc bị cáo Trần Văn P tiếp tục bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 12.136.000đ (Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

-Về xử lý vật chứng và đồ vật, tài liệu tạm giữ: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của: bị cáo Trần Văn P 01 chiếc điều cày, dài 65 cm, đường kính 3 cm, làm bằng tre, đã bị vỡ; của chị Trần Thị T 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ nữ, nửa đầu màu hồng, phần chóp mũ có núm liền, trên mũ có in hình con vật, dán tem trắng hai bên, đã bị vỡ không rõ hình và 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại bảo hiểm nữ, nửa đầu dạng mũ lưỡi chai, phần chóp mũ có núm liền trên mũ có in hình các con vật, sau mũ khoét hình vòm bị vỡ không rõ hình để tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn P 01 giấy chứng minh nhân dân số 132118793 và 01 giấy phép lái xe số AU981763 mang tên Trần Văn P.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi mà bị cáo đã phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:*

Khoảng 15 giờ, ngày 23/8/2020, tại khu X, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Trần Văn P vì mâu thuẫn nhỏ đã dùng hung khí nguy hiểm là chiếc điều cày đánh vào vùng đầu, vùng trán bên trái, vào tay, gây tổn hại 15% sức khỏe cho chị Trần Thị T. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận trung cầu giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Trần Văn P phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này....”

Đối với chị Trần Thị T khi bị P túm cổ lúc đó trong tay có cầm chiếc mũ bảo hiểm, chị T vùng đứng dậy vung tay gạt tay P ra làm chiếc mũ bảo hiểm trúng vào mặt P dẫn đến P bị thương. P là người chủ động dùng tay túm cổ áo chị T sau đó chị T mới chống trả lại vì vậy việc chống trả của chị T thuộc trường hợp phòng vệ. Mặt khác P chỉ bị thương tích nhẹ, không có yêu cầu đề nghị gì. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Trần Thị T là phù hợp.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn P là người có hiểu biết xã hội và có điều kiện để nhận thức về pháp luật. Hành vi cố ý gây thương tích mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, do vậy cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo vì trước lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tác động đến gia đình để chị Trần Thị La là con gái tự nguyện bồi thường cho bị hại 1 phần nghĩa vụ. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P tại phiên tòa là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo sửa chữa được tội lỗi mà bị cáo đã phạm.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Thương tích 15% sức khỏe của bị hại Trần Thị T là do bị cáo gây ra nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho chị T theo quy định của pháp luật. Bị

hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản sau: Tiền chi phí, thuốc điều trị: 13.036.000đồng; thuê xe ô tô đi bệnh viện và về nhà: 200.000đồng; thu nhập bị mất của người chăm sóc 11 ngày là 1.650.000đồng; thu nhập thực tế bị mất của chị 15 ngày là 2.250.000 đồng và bồi dưỡng sức khỏe 1 lần 15% là 8.000.000đồng. Tổng là 25.136.000 đồng. Bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho bị hại các khoản trên cho bị hại nhưng không thống nhất được thời gian và phương thức bồi thường. Xét thấy bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận các khoản bồi thường trên, Hội đồng xét xử nhận thấy các khoản mà bị hại yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Bị cáo Trần Văn P đã tác động đến gia đình để chị Trần Thị La là con đẻ của bị cáo Trần Văn P đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 13.000.000đồng nên cần buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 12.136.000đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo P vay của chị T trước đó, ngày 03/9/2020 bị cáo đã trả lại cho chị T. Đối với chiếc điện thoại di động mà chị T đã mang đến trả cho bị cáo P, sau khi xảy ra xô xát bị cáo P không tìm thấy, tuy nhiên bị cáo không có yêu cầu đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ là phù hợp.

[5]. Về vật chứng và tài sản, tài liệu tạm giữ:

Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ nữ, nửa đầu màu hồng, phần chóp mũ có núm liền, trên mũ có in hình con vật, dán tem trắng hai bên, đã bị vỡ không rõ hình và 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại bảo hiểm nữ, nửa đầu dạng mũ lưỡi chai, phần chóp mũ có núm liền trên mũ có in hình các con vật, sau mũ khoét hình vòm bị vỡ không rõ hình là tài sản của chị T. Hai chiếc mũ trên không còn giá trị sử dụng và chị T không nhận lại nên cần tịch thu để tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điều cày, dài 65 cm, đường kính 3 cm, làm bằng tre, đã bị vỡ mà P đã sử dụng để gây thương tích cho chị T là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 132118793 và 01 giấy phép lái xe số AU981763 mang tên Trần Văn P là giấy tờ cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự đối với số tiền còn phải tiếp tục bồi thường cho chị T là $12.136.000đ \times 5\% = 606.800đ$ ồng, làm tròn 607.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn P phạm tội: “Cố ý gây thương tích”; phạt Trần Văn P 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 03/02/2021.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 584, điều 585, khoản 1 điều 586, điều 590 và điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại chị Trần Thị T tổng số tiền là 25.136.000đ (Hai mươi năm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cụ thể các khoản gồm: Xe cấp cứu đưa đi và về: 200.000đồng; Chi phí trong quá trình nhập viện và điều trị tại bệnh viện: 13.036.000đồng; Thu nhập bị mất của người chăm sóc 1.650.000đồng; Thu nhập bị mất của bị hại 2.250.000 đồng Bồi thường sức khỏe 1 lần: 8.000.000đồng. Xác nhận chị Trần Thị L đã thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) nên buộc bị cáo Trần Văn P tiếp tục bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 12.136.000đ (Mười hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

-Về xử lý vật chứng và đồ vật, tài liệu tạm giữ: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu của: bị cáo Trần Văn P 01 chiếc điều cày, dài 65 cm, đường kính 3 cm, làm bằng tre, đã bị vỡ; của chị Trần Thị T 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại mũ nữ, nửa đầu màu hồng, phần chóp mũ có núm liền, trên mũ có in hình con vật, dán tem trắng hai bên, đã bị vỡ không rõ hình và 01 chiếc mũ bảo hiểm, loại bảo hiểm nữ, nửa đầu dạng mũ lưỡi chai, phần chóp mũ có núm liền trên mũ có in hình các con vật, sau mũ khoét hình vòm bị vỡ không rõ hình để tiêu hủy.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 12/5/2021).

Trả lại cho bị cáo Trần Văn P 01 giấy chứng minh nhân dân số 132118793 và 01 giấy phép lái xe số AU981763 mang tên Trần Văn P.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 607.000đ (Sáu trăm linh bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- THAHS, THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền